

CỤC HÀNG KHÔNG
DÂN DỤNG VIỆT NAM
Số: 16/2000/QĐ-CHK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2000

QUYẾT ĐỊNH CỦA CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG VIỆT NAM
Về việc ban hành "Quy định về quản lý hoạt động thuê tàu bay, động cơ tàu bay"

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 26/12/1991 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 20/04/1995;
Căn cứ Nghị định số 68/CP ngày 25/10/1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Cục Hàng không dân dụng Việt Nam;
Căn cứ đề nghị của Ông Trưởng ban Không tải-Không vận, Cục Hàng không dân dụng Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này bản "Quy định về quản lý hoạt động thuê tàu bay, động cơ tàu bay".

Điều 2: Các Ông trưởng Ban Không tải-Không vận, Ban Tài chính, Ban Khoa học công nghệ, Ban Kế hoạch và Đầu tư, Ban An toàn, Ban An ninh, Ban Tổ chức cán bộ-Lao động, Phòng Pháp chế của Cục Hàng không dân dụng Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế những điều khoản liên quan đến việc thuê tàu bay, thuê tổ chức khai thác, bảo dưỡng tàu bay của "Quy định về quản lý việc thuê, mua tàu bay, thuê người khai thác tàu bay trong hoạt động bay hàng không dân dụng tại Việt Nam" ban hành kèm theo Quyết định số 1095/CAAV ngày 16/6/1997 của Cục trưởng Cục Hàng không dân dụng Việt Nam.

QUY ĐỊNH

VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THUÊ TÀU BAY, ĐỘNG CƠ TÀU BAY

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 16 ngày 16 tháng 6 năm 2000

của Cục trưởng Cục Hàng không dân dụng Việt Nam)

-

CHƯƠNG I:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng:

1. Quy định này quy định việc quản lý của Cục Hàng không dân dụng Việt Nam đối với hoạt động thuê tàu bay, động cơ tàu bay của các doanh nghiệp vận chuyển hàng không Việt Nam, các doanh nghiệp hoặc pháp nhân Việt Nam khác được phép sử dụng và khai thác tàu bay theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là doanh nghiệp Việt Nam).

2. Quy định này được áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

a. Thuê tàu bay để khai thác nhằm phục vụ mục đích kinh doanh vận tải hàng không, đào tạo, huấn luyện người lái, phục vụ các hoạt động kinh tế và các hoạt động hàng không dân dụng khác (gọi tắt là thuê khai thác tàu bay), bao gồm thuê ướm tàu bay và thuê khô tàu bay;

b. Thuê tàu bay, động cơ tàu bay để làm đồ dùng giảng dạy;

c. Thuê, hợp tác dùng chung động cơ tàu bay nhằm phục vụ mục đích khai thác tàu bay;

3. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp thuê tài chính tàu bay theo quy định của pháp luật về tài sản cố định thuê tài chính.

Điều 2. Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Tàu bay": là tàu bay chuyên hoạt động cho mục đích dân dụng.

2. "Thuê ướm tàu bay": là việc người thuê thuê tàu bay kèm theo tổ lái (hoặc tổ bay); tàu bay thuê ướm được khai thác theo chứng chỉ người khai thác tàu bay (AOC) không phải của người thuê.

3. "Thuê khô tàu bay": là việc người thuê chỉ thuê riêng tàu bay; tàu bay thuê khô được khai thác theo chứng chỉ người khai thác tàu bay (AOC) của người thuê.

4. "Nhà chức trách hàng không": là cá nhân hay tổ chức của một quốc gia, có thẩm quyền thực hiện chức năng quản lý Nhà nước chuyên ngành về hàng không dân dụng hoặc chức năng tương tự theo quy định của pháp luật của quốc gia đó.

Điều 3. Hoạt động thuê tàu bay được thực hiện tuân thủ theo các nguyên tắc sau:

1. Đảm bảo việc tuân thủ pháp luật Việt Nam; bảo đảm thực hiện đúng mục tiêu chiến lược phát triển đội tàu bay dân dụng quốc gia theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước;

2. Đảm bảo đầu tư có trọng điểm, đồng bộ và đạt hiệu quả cao, đảm bảo sự phát triển ổn định và an toàn của doanh nghiệp Việt Nam, phù hợp với khả năng khai thác kinh doanh, khả năng tài chính, khả năng khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay của doanh nghiệp;

3. Bảo đảm tiêu chuẩn đủ điều kiện bay và khai thác an toàn tàu bay phù hợp với Luật hàng không dân dụng Việt Nam và các công ước quốc tế về hàng không dân dụng mà Việt Nam tham gia.

Điều 4. Yêu cầu về bảo hiểm trách nhiệm dân sự:

1. Đối với trường hợp thuê khai thác tàu bay nhằm mục đích kinh doanh vận tải hàng không, doanh nghiệp Việt Nam phải mua bảo hiểm hoặc là người cùng được hưởng lợi trong hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại gây ra cho hành khách, hành lý, hàng hóa.

2. Trong trường hợp thuê khai thác tàu bay mà doanh nghiệp Việt Nam là người khai thác tàu bay, doanh nghiệp Việt Nam phải mua bảo hiểm hoặc là người cùng được hưởng lợi trong hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại gây ra cho người thứ ba ở mặt đất.

3. Việc mua bảo hiểm nêu tại các khoản 1 và 2 của Điều này phải được thực hiện tới mức giới hạn trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam và phù hợp với những yêu cầu của luật pháp của các nước mà tàu bay khai thác.

Điều 5. Trong trường hợp thuê khai thác tàu bay, doanh nghiệp Việt Nam phải thực sự khai thác, kiểm soát và chịu trách nhiệm đối với các thương quyền khai thác của doanh nghiệp. Việc doanh nghiệp Việt Nam thuê tàu bay không được cho phép người cho thuê tàu bay, người khai thác tàu bay hoặc bất kỳ người nào khác được trực tiếp hoặc gián tiếp dưới bất kỳ hình thức nào hưởng lợi hoặc sử dụng các thương quyền khai thác của doanh nghiệp. Quyền lợi tài chính của người cho thuê tàu bay theo hợp đồng thuê không được phụ thuộc vào kết quả kinh doanh, khai thác tàu bay của doanh nghiệp Việt Nam.

Điều 6. Đối với việc thuê khai thác tàu bay nhằm mục đích vận chuyển thương mại hành khách phải đảm bảo tàu bay mới hoặc đã được sử dụng không quá 20 năm kể từ ngày xuất xưởng, hoặc đã bay không quá 40.000 giờ, hoặc đã được sử dụng không quá 2/3 tổng thọ mệnh theo niên hạn, giờ bay hoặc số lần hạ cất cánh do Nhà chế tạo quy định tại thời điểm ký kết hợp đồng thuê tàu bay.

Tàu bay, động cơ tàu bay được thuê làm đồ dùng giảng dạy không được sửa chữa, cải tiến để sử dụng cho mục đích khai thác bay.

Điều 7. Đăng ký tàu bay:

Đối với tàu bay thuê không có thời hạn thuê từ 3 năm trở lên, tàu bay phải được chuyển đăng ký về Việt Nam trong vòng 1 năm kể từ ngày hợp đồng thuê bắt đầu có hiệu lực.

Điều 8. Trong trường hợp người khai thác tàu bay không phải là doanh nghiệp Việt Nam, người khai thác tàu bay phải thoả mãn các quy định của quốc gia nơi đăng ký tàu bay và phải có chứng chỉ người khai thác tàu bay (AOC) còn hiệu lực hoặc giấy tờ tương đương đối với loại tàu bay dự định khai thác do Nhà chức trách hàng không của quốc gia của người khai thác tàu bay cấp và được Cục Hàng không dân dụng Việt Nam thừa nhận hiệu lực. Cục Hàng không dân dụng Việt Nam sẽ không thừa nhận chứng chỉ người khai thác tàu bay (AOC) nếu thấy rằng chứng chỉ đã được cấp theo tiêu chuẩn thấp hơn tiêu chuẩn tối thiểu được thiết lập theo Công ước về hàng không dân dụng quốc tế ký tại Chicago ngày 7/12/1944.

Điều 9. Doanh nghiệp Việt Nam có trách nhiệm tự thu xếp các hình thức đặt cọc cho người cho thuê, bảo lãnh ngân hàng, thế chấp tài khoản chuyên dụng, đóng góp quỹ bảo dưỡng, mua bảo hiểm hoặc hình thức đảm bảo khác theo thỏa thuận với người cho thuê phù hợp với pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế. Doanh nghiệp không được thế chấp doanh thu vận tải hoặc các nguồn doanh thu khác để đảm bảo trách nhiệm thanh toán tiền thuê.

Điều 10. Doanh nghiệp Việt Nam có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý kinh doanh xuất nhập khẩu đối với việc thuê tàu bay, về đăng ký và quản lý lao động là người nước ngoài tại Việt Nam.

-

CHƯƠNG II:

THỰC HIỆN DỰ ÁN THUÊ TÀU BAY

Điều 11. Phê duyệt phương án thuê và khai thác tàu bay:

1. Đối với dự án thuê tàu bay có thời hạn thuê trên 3 tháng, doanh nghiệp Việt Nam có nghĩa vụ lập phương án thuê và khai thác tàu bay trình Cục Hàng không dân dụng Việt Nam xem xét phê duyệt, bao gồm các tài liệu (10 bộ):

a. Tờ trình xin phê duyệt dự án thuê và khai thác tàu bay;

b. Phương án thuê và khai thác tàu bay, trong đó giải trình những nội dung chính sau đây:

- Kế hoạch phát triển hoạt động khai thác bay của doanh nghiệp;

- Sự cần thiết phải thuê tàu bay; kế hoạch khai thác tàu bay được thuê;

- Việc thuê tàu bay phù hợp với kế hoạch khai thác, tính đầu tư đồng bộ và định hướng, chiến lược phát triển đội tàu bay ngắn hạn, dài hạn, khả năng khai thác-kinh doanh, khả năng tài chính, khả năng khai thác, bảo dưỡng tàu bay của doanh nghiệp; phù hợp với kế hoạch đào tạo trong trường hợp thuê tàu bay để đào tạo người lái hoặc làm đồ dùng giảng dạy;

- Số lượng, chủng loại, kiểu tàu bay được thuê; tàu bay mới xuất xưởng hay đã qua sử dụng; dự kiến thời hạn, giá trị thuê; những đặc tính cơ bản về kỹ thuật, khai thác của tàu bay dự định thuê, những vấn đề pháp lý, tài chính, thương mại liên quan;